

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM NÔNG
TỈNH PHÚ THỌ**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2020/HNGĐ-ST
Ngày 13 tháng 8 năm 2020
V/v *Hôn nhân và gia đình*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG - TỈNH PHÚ THỌ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Đinh Thị Thu Huyền

Các hội thẩm nhân dân : 1, Ông Nguyễn Quang Hiên
2, Ông Phan Duy Hưng

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Khanh - cán bộ Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Bùi Xuân Việt - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 41/2020/ TLST - HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2020 về việc: “Hôn nhân và gia đình” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2020/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Chị Bùi Thị Nguyên B** - sinh năm 1982;

Địa chỉ: Khu 8, xã Hiên Q, huyện T, tỉnh Phú Thọ(có mặt).

- Bị đơn: **anh Ngô Quý T** - sinh năm 1983;

Địa chỉ: Khu 8, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1, Trong đơn khởi kiện ngày 29/4/2020 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Bùi Thị Nguyên B trình bày:

Chị kết hôn với anh Ngô Quý T ngày 01/3/2008 có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn được tự nguyện tìm hiểu, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống thời gian đầu hòa thuận hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T suốt ngày uống rượu, say sưa không quan tâm chăm sóc gia đình, đi làm không đưa tiền cho chị để chăm sóc con cái và khám bệnh cho con. Từ đó dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt, mâu thuẫn đến nay không thể hàn gắn được. Nay chị B xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị B xác nhận chị và anh T có hai con chung là Ngô Quang H sinh ngày 30/7/2010 và Ngô Bảo K sinh ngày 03/02/2014. Khi ly hôn chị B xin được trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là Ngô Bảo K và giao cháu Ngô

Quang H cho anh T được trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ, cho vay, công sức: Chị B xác nhận vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2, Bị đơn anh Ngô Quý T trình bày: Anh nhất trí việc chị B trình bày về quan hệ hôn nhân. Anh T cho rằng vợ chồng chung sống không có mâu thuẫn gì nhưng anh thừa nhận anh đi làm lương thấp, do tính chất công việc nên anh hay uống rượu vì vậy không có tiền về đưa cho chị B nên vợ chồng có nói nhau. Nay chị B xin ly hôn, quá trình giải quyết vụ án anh không đồng ý ly hôn nhưng tại phiên tòa hôm nay anh nhất trí thuận tình ly hôn với chị B.

Về con chung: Anh T xác nhận anh và chị B có hai con chung là Ngô Quang H sinh ngày 30/7/2010 và Ngô Bảo K sinh ngày 03/02/2014. Khi ly hôn anh T xin được trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là Ngô Quang H và giao cháu Ngô Bảo K cho chị B được trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ, cho vay, công sức: Anh T xác nhận vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3, Tại bản tự khai ngày 15/6/2020 cháu Ngô Quang H đề nghị nếu bố mẹ ly hôn thì nguyện vọng của cháu là xin ở- ợc ở với bố.

4, Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã H ngày 22/7/2020 thấy rằng chị B, anh T đều có hộ khẩu thường trú tại khu 8, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Anh chị có đăng ký kết hôn ngày 01/3/2008 tại UBND xã H Q. Sau khi kết hôn chị B về chung sống cùng anh T, cuộc sống vợ chồng anh chị thời gian đầu hạnh phúc, từ năm 2014 đến nay vợ chồng anh chị thường xuyên mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh chị mâu thuẫn với nhau, do anh T thường xuyên uống rượu, say sưa không quan tâm đến vợ con. Nay chị B xin ly hôn anh T đề nghị Tòa án giải quyết theo đơn đề nghị của chị B.

Tại phiên tòa kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đều thực hiện đúng theo quy định pháp luật không có vi phạm gì và phát biểu ý kiến về quan điểm giải quyết vụ án. Đề nghị HĐXX áp dụng điều 55, điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thị Nguyên B và anh Ngô Quý T.

Về con chung: Giao con chung chưa thành niên là Ngô Quang H sinh ngày 30/7/2010 cho anh T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao con chung chưa thành niên là Ngô Bảo K sinh ngày 03/02/2014 cho chị B được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Chị B, anh T được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm cản trở.

Về tài sản chung, tài sản riêng, về nợ, cho vay, công sức: Chị B, anh T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị B phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do đương sự cung cấp và được thẩm tra công khai tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1, điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại khu 8, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Căn cứ điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Về hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị B và anh T là hoàn toàn hợp pháp, được UBND xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ cho đăng ký kết hôn ngày 01/3/2008. Xét tình cảm vợ chồng giữa chị B và anh T được tự nguyện tìm hiểu nhưng thực sự tình cảm vợ chồng giữa anh chị đã có vết rạn nứt, chị Bình cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng chung sống thời gian đầu hòa thuận hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T suốt ngày uống rượu, say sưa không quan tâm chăm sóc gia đình, đi làm không đưa tiền cho chị để chăm sóc con cái và khám bệnh cho con. Từ đó dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt, mâu thuẫn đến nay không thể hàn gắn được. Nay chị B xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin được ly hôn anh T. Phía anh Tiến cho rằng vợ chồng chung sống không có mâu thuẫn gì nhưng anh thừa nhận anh đi làm lương thấp, do tính chất công việc nên anh hay uống rượu vì vậy không có tiền về đưa cho chị Bình nên vợ chồng có nói nhau. Nay chị B xin ly hôn, quá trình giải quyết vụ án anh không đồng ý ly hôn nhưng tại phiên tòa hôm nay anh nhất trí thuận tình ly hôn với chị B. Vì vậy, cần xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị B và anh T là hoàn toàn phù hợp với Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị B và anh T xác nhận vợ chồng có hai con chung là Ngô Quang H sinh ngày 30/7/2010 và Ngô Bảo K sinh ngày 03/02/2014. Khi ly hôn chị B anh T thống nhất thỏa thuận để chị Bình nuôi con chung là cháu Ngô Bảo K, anh T nuôi con chung là cháu Ngô Quang H. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau là phù hợp cần chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung, tài sản riêng, về nợ, cho vay, công sức: chị B, anh T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí: Chị B phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lý do trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điều 55, điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí 2015; Điểm a, khoản 5, điều 27 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về thu, nộp và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

1, Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thị Nguyên B và anh Ngô Quý T.

2, Về con chung: Giao con chung chưa thành niên là Ngô Quang H sinh ngày 30/7/2010 cho anh T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao

con chung chưa thành niên là Ngô Bảo K sinh ngày 03/02/2014 cho chị B được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Chị B, anh T được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm cản trở.

3, Về tài sản chung, tài sản riêng, về nợ, cho vay, công sức: Chị B, anh T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4, Về án phí: chị Bùi Thị Nguyên B phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị B đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2019/0002585 ngày 06/5/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho đương sự (có mặt) tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhân:

- VKSND huyện
- Chi cục THADS huyện
- Các đương sự
- UBND xã Hiền Quan.
- Lưu HS - VP

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đinh Thị Thu Huyền